

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Khánh và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2017/TLST – HNGĐ ngày 21/12/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST – HNGĐ ngày 07/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Văn Tất Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

3. Người làm chứng: Bà Văn Thị N, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

(Có mặt anh Q, vắng mặt chị L, bà N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại toà, nguyên đơn – anh Văn Tất Q trình bày:

Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Đặng Thị L vào ngày 16/01/1995 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới anh chị chung sống đến khoảng tháng 8/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, năm 2012 anh phải đi xuất khẩu lao động ở nước Malaysia. Năm 2015 khi trở về nước, anh được biết ở nhà chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Nhiều lần anh khuyên bảo chị L sửa chữa bản thân

để chăm lo cho gia đình và các con nhưng chị L vẫn không sửa đổi dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 7/2017, anh đã phải làm đơn xin ly hôn chị L nhưng chị L bỏ đi do vậy anh phải rút đơn khởi kiện ly hôn để đi tìm chị L. Sau đó chị L có về nhà; hai người nói chuyện với nhau nhưng chị L vẫn không sửa đổi tính nết mà thỉnh thoảng lại bỏ nhà đi không cho anh biết đi đâu làm gì. Do chị L không có ý thức về chung sống với anh để xây dựng gia đình chăm lo cho con cái nên anh tiếp tục làm đơn khởi kiện ly hôn chị L. Khi biết anh làm đơn ly hôn, chị L lại tiếp tục bỏ nhà đi, không cho anh biết đi đâu làm gì. Đến ngày 27/11/2017 bố đẻ chị L chết, chị L có về nhà chịu tang bố, anh đã yêu cầu chị L ở nhà để giải quyết việc ly hôn nhưng khi Công an xã A đến giao giấy triệu tập của Tòa án giải quyết việc ly hôn chị L không nhận giấy và lại bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 05/12/2017 chị L về nhà bố mẹ đẻ; anh sang gặp và yêu cầu chị L về nhà để vợ chồng nói chuyện. Ngày 08/12/2017 tại nhà của vợ chồng, anh đã nói chuyện với chị L để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng chị L không nghe mà đòi bỏ nhà đi; anh yêu cầu chị L phải ở lại để Tòa án Bình Lục giải quyết việc ly hôn nhằm ổn định cuộc sống nhưng chị L không chịu dẫn đến giữa anh và chị L đã xảy ra cãi chửi đánh nhau, Công an xã phải can thiệp. Sau đó chị L đã có đơn đề nghị Công an xã A giải quyết việc anh đánh chị L nhưng đến sáng ngày 09/12/2017 khi Công an xã A triệu tập hai bên ra giải quyết thì chị L đã bỏ đi nên Công an xã A không tiến hành giải quyết được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn; mặc dù chị L biết rõ việc anh đã làm đơn kiện ly hôn gửi Tòa án Bình Lục nhưng chị L cố tình bỏ đi không có mặt tại địa phương nhằm gây khó khăn cho anh trong việc xin ly hôn vì vậy anh đề nghị Tòa án cho anh được đơn phương ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung, anh xác định anh và chị L có hai con chung là cháu Văn Hoài V sinh ngày 28/4/1997 và cháu Văn Vũ L sinh ngày 20/8/2000. Do cháu V đã trên 18 tuổi nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Đối với cháu L, do chị L bỏ nhà đi không chăm lo cho con; hiện anh là người trực tiếp nuôi cháu ăn học vì vậy anh đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh tiếp tục nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị Luyên phải góp tiền nuôi dưỡng cháu L cùng với anh.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn; do chị L không có mặt tại nhà trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, nếu chị L trở về nhà anh chị sẽ tự giải quyết hoặc nhờ Tòa án phân chia tài sản bằng một vụ kiện khác.

Bị đơn chị Đặng Thị L vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm trình bày.

Tại phiên toà, anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm: Về tố tụng: TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án tại toà, Thẩm phán không có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Quá trình xét

xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về sự có mặt khi giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Văn Tất Q và chị Đặng Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Văn Vũ L sinh ngày 20/8/2000 cho anh Văn Tất Q tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị L không phải góp tiền nuôi dưỡng cháu L cho anh Q. Anh Q và các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Văn Tất Q phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Văn Tất Q và chị Đặng Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/01/1995 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Sau ngày cưới anh chị chung sống đến khoảng tháng 8/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân sau khi anh Q đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài về nhà thì thấy trong thời gian anh đi lao động ở nhà chị L không chăm lo cho gia đình, tiền anh gửi về chị L chi tiêu hết mà không để dành tiết kiệm; đồng thời chị L có biểu hiện quan hệ ngoại tình như thỉnh thoảng bỏ nhà đi mà không cho anh biết đi đâu, làm gì. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 7/2017, anh Q làm đơn ly hôn chị L nhưng do chị L bỏ nhà đi khỏi địa phương không cho anh Q biết đi đâu nên anh Q phải rút đơn kiện để đi tìm chị L. Sau đó chị L trở về nhà, anh Q tiếp tục làm đơn ly hôn thì chị L lại bỏ đi. Ngày 26/11/2017, bố đẻ chị L mất, chị L về nhà chịu tang bố. Công an xã A đến giao giấy triệu tập của Tòa án nhưng chị L không nhận và bỏ đi. Vài ngày sau chị L trở về nhà mẹ đẻ ở thì đến ngày 08/12/2017 anh Q chị L đánh nhau. Chị L nộp đơn đề nghị Công an xã A giải quyết. Công an xã A nhận đơn và giao giấy triệu tập của Tòa án nhưng chị L không nhận giấy và lại bỏ đi khỏi địa phương đến nay không về.

Xét việc chị L không có mặt tại thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam trong quá trình Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam giải quyết đơn kiện ly hôn của anh Q là cố tình giấu địa chỉ bởi lẽ: Sau khi nhận đơn khởi kiện ly hôn và theo đơn đề nghị xác minh của anh Q; Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam hai lần triệu tập chị L đến để giải quyết vụ án; cả hai lần chị L đều có mặt ở nhà nhưng không nhận giấy triệu tập và bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo địa chỉ cư trú mới cho anh Q hoặc cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý đơn khởi kiện của anh Q là đúng quy định tại đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và trong quá trình giải quyết vụ

án, chị L phải chịu hậu quả pháp lý về việc cố tình không tham gia tố tụng, không thực hiện quyền đưa ra yêu cầu và nghĩa vụ chứng minh theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q, chị L là có thật và xảy ra đã lâu. Bản thân chị L không có ý thức cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho mâu thuẫn xảy ra, luôn trốn tránh tham gia giải quyết tại tòa mà trong đó có cả thủ tục hòa giải. Xét trên thực tế, cuộc sống chung của vợ chồng anh Q chị L đã chấm dứt từ ngày 09/12/2017 đến nay, chị L không có liên lạc gì với anh Q do đó khả năng vợ chồng đoàn tụ là không còn; xử cho anh Q ly hôn chị L là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh Q, chị L có 02 con chung là cháu Văn Hoài V sinh ngày 28/4/1997 hiện đang học đại học; cháu Văn Vũ L sinh ngày 20/8/2000 đang học cấp III và ở với anh Q. Xét đề nghị được nuôi cháu L, không yêu cầu chị L góp tiền nuôi con do chị L không ở nhà và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cháu Vũ ở với ai sau ly hôn do cháu trên 18 tuổi của anh Q là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu L, đúng thực tế, đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị L cố tình không tham gia tố tụng; do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này trong vụ án. Nếu sau này anh Q, chị L có tranh chấp về vấn đề tài sản thì anh chị có quyền làm đơn khởi kiện để giải quyết bằng một vụ kiện khác theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Q phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Văn Tất Q và chị Đặng Thị L.
2. Về con chung: Giao cháu Văn Vũ L sinh ngày 20/8/2000 cho anh Văn Tất Q nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu L cho anh Q. Anh Q và các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Q phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà anh Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0000998 ngày 21/12/2017 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh Q phải chịu. Anh Q đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho chị L biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)